TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày: 23-3-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Việt Phương;

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HS ngày 09/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Kim C, sinh ngày 19/5/1965; Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Quốc N và bà Trần Thị K (đều đã chết); Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1967, trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 20/HSST ngày 18/3/2003 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/12/2002. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2004. Tháng 8/2013 được đình chỉ thi hành khoản phạt 5.000.000 đồng và án phí 50.000 đồng; Bản án số 17/2009/HSST ngày 03/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2008. Chấp hành

xong hình phạt tù ngày 18/3/2011. Tháng 12/2011 đã chấp hành xong số tiền 3.000.000 đồng xung quỹ Nhà nước và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2017 đến ngày 29/11/2017 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thế H, sinh ngày 01/9/1965; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Q (đều đã chết); Vợ thứ nhất: Mai Thị L, sinh năm 1966 (Đã chết); Có 02 con, đều sinh năm 1991; Vợ thứ hai: Vũ Thị D, sinh năm 1976, trú tại: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Tiền án: Bản án số 06/2016/HSST ngày 13/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trộm cắp trị giá 3.000.000 đồng), thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2015. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/10/2016. Bị cáo chưa chấp hành án phí hình sự sơ thẩm; Nhân thân: Từ tháng 02/1984 đến tháng 02/1987 tham gia nghĩa vụ quân sự, sau đó xuất ngũ về địa phương; Ngày 22/7/2009, Công an phường K, thành phố T ra quyết định xử phạt hành chính vì hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt cảnh cáo; Ngày 24/9/2009, Công an phường Đề Thám, thành phố Thái Bình ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt cảnh cáo; Quyết định 2239/QĐ-CT ngày 23/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc áp dụng biện pháp đưa vào trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội, thời gian là 12 tháng, lý do vì nghiện ma túy. Đã chấp hành xong ngày 31/7/2013; Quyết định 3572/QĐ-CT ngày 20/12/2013 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc áp dụng biện pháp đưa vào trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội, thời gian là 12 tháng, vì nghiện ma túy. Đã chấp hành xong ngày 10/12/2014; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2017 đến ngày 29/11/2017 chuyển tạm giam cho đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T; Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/11/2017, Nguyễn Thế H điều khiển xe máy nhãn hiệu Futirfi màu nâu, biển kiểm soát 18E1 – 001.46 đến nhà Trần Kim C rủ C đi mua ma túy về cùng sử dụng, C đồng ý. H đưa cho C 100.000 đồng, C bỏ ra 90.000 đồng, tổng cộng là 190.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe máy chở C đi đến khu vực tổ 50, phường Q, thành phố T thì H dừng xe đứng ngoài chờ còn

C đi bộ vào trong ngõ gặp và mua của 01 người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên và địa chỉ 190.000 đồng được 01 gói nhỏ hêrôin, bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng. C cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải, đi đến chỗ H đứng chờ thì bị tổ công tác của Công an phường Q, thành phố T đang làm nhiệm vụ, yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Tăng Đình S, sinh năm 1957, trú tại tổ 33, phường Q, thành phố T và ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1965, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường K, thành phố T, C tự giác giao nộp từ lòng bàn tay phải 01 gói ma túy và khai nhận là Hêrôin mua về để C và H cùng sử dụng. Tổ công tác mở gói để kiểm tra, bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, sau đó niêm phong và yêu cầu C, H và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường Q, thành phố T để kiểm tra, qua kiểm tra thu giữ tại túi áo khoác bên phải của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus màu đen trắng; thu tại túi quần bên trái của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen và số tiền 20.000 đồng. Kiểm tra xe máy H điều khiển, tổ công tác không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng để điều tra làm rõ.

Tại bản Kết luận giám định số 444/KLGĐ - PC54 ngày 20/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Trần Kim C là ma túy, loại Hêrôin, trọng lượng **0,3251** gam (không phảy ba nghìn hai trăm năm mươi mốt gam).

Cáo trạng số 36/CT-VKSTP ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Trần Kim C và Nguyễn Thế H về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng điều 7; điểm c khoản 1 điều 249; đểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Kim C mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017.

- Áp dụng điều 7; điểm c khoản 1 điều 249; điểm h khoản 1 điều 52; đểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 50; điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định.

+ Trả lại bị cáo Trần Kim C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus màu đen trắng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Thế H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen và số tiền 20.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại chị Vũ Thị D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Futirfi, màu nâu, biển kiểm soát 18E1-001.46.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội, phấn đấu trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình; Điều tra viên; Của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo là chứng cứ để kết tội lẫn nhau và được chứng minh bởi các chứng cứ khác như:

+ Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường Q, thành phố T lập hồi 10 giờ 15 phút ngày 20/11/2017 tại Trụ sở Công an phường Q, thành phố T (BL 08-13).

+ Biên bản niêm phong vật chứng (BL 14).

+ Bản kết luận giám định số 444/KLGĐ-PC54 ngày 20/11/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (BL 21).

+ Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị D, sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình (BL 76-77)

+ Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Tăng Đình S, sinh năm 1957, trú tại tổ 33, phường Q, thành phố T và ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1965, trú tại tổ 38, phường Q, thành phố T (BL 78, 81-89).

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 20/11/2017, tại khu vực tổ 50, phường Q, thành phố T, Trần Kim C và Nguyễn Thế H có hành vi tàng trữ trái phép 0,3251 gam Hêrôin nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vì vậy, các bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy":

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) ...

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước ta, đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt của Nhà nước và nhân dân ta, nhằm đẩy lùi và loại trừ tội phạm ma tuý ra khỏi đời sống xã hội. Ma tuý đã gây ra những tác hại khôn lường cho sức khoẻ, trí tuệ, nhân

cách và nòi giống con người, ma tuý còn gây ra biết bao hiểm hoạ nghiêm trọng khác cho xã hội, là nguồn gốc phát sinh hàng loạt các loại tội phạm, là tác nhân lan truyền đại dịch thế kỷ HIV-AIDS, là yếu tố phá vỡ hạnh phúc biết bao gia đình có người nghiện…

Tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, vì vậy, Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án để cá thể hoá hình phạt với các bị cáo nh□sau:

Bị cáo Nguyễn Thế H là người khởi xướng, rủ rê Trần Kim C thực hiện hành vi phạm tội, cùng góp tiền với C và dùng xe máy của mình để chở C cùng đi mua ma túy nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Trần Kim C là người tiếp nhận ý chí của bị cáo H, cùng góp tiền, trực tiếp mua ma túy, thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nên bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo H có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo C. Với việc đánh giá vai trò của các bị cáo như trên, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Các bị cáo có sức khỏe, có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định, tuy nhiên do lười lao động, thiếu ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, thiếu sự rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên đã phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu sự trừng trị của pháp luật.

Bị cáo Trần Kim C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thế H có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bố đẻ các bị cáo đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3 nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thế H còn có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy đinh tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về nguồn gốc số ma tuý: Bị cáo Trần Kim C khai mua của một người nữ giới khoảng 30 tuổi, không quen biết tại khu vực tổ 50, phường Q, thành phố T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Về vật chứng vụ án: - Số ma tuý thu giữ của các bị cáo được hoàn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus màu đen trắng thu giữ của bị cáo Trần Kim C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen và số tiền 20.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thế H, xét thấy đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Futirfi màu nâu, biển kiểm soát 14E1 – 001.46, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị D, sinh năm 1976 là vợ của Nguyễn Thế H, khi Hưng sử dụng xe để đi mua ma túy chị Thanh không biết nên cần trả lại chiếc xe này cho chị Thanh.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249; điểm h khoản 1 điều 52 (đối với bị cáo Nguyễn Thế Hưng); điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38; điều 46; điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế H và bị cáo Trần Kim C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H **02** (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Kim C **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ghi số 444/KLGĐ-PC54.

3.2. Trả lại bị cáo Nguyễn Thế H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen và số tiền 20.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3.3. Trả lại bị cáo Trần Kim C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus màu đen trắng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3.4. Trả lại chị Vũ Thị D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Futirfi màu nâu, biển kiểm soát 14E1 – 001.46.

(Các vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 08/02/2018).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thế H và bị cáo Trần Kim C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/3/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- CQ điều tra CA TP.Thái Bình;
- CQ THAHS CA TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái